

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CÀ MAU,  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24-6-2021

“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Hồng Xuyên

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Kim Nguyễn

Ông Lê Thái Ngọc

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thùy Nhiêu, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 24 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm vụ án dân sự tranh chấp hôn nhân gia đình thụ lý số 180/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 419/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thúy A, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Số 89, R, Khóm H, Phường T, thành phố C, tỉnh CM (Có mặt).

Bị đơn: Ông Bùi Thanh B, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Số 122, Q, Khóm H, Phường N, thành phố C, tỉnh CM (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thúy A trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà và ông Bùi Thanh B kết hôn ngày 21/12/2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 5, thành phố CM. Trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Bùi Thanh B.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông bà có 01 con chung tên Bùi Huy P, sinh ngày 21/3/2007. Hiện tại con đang sống cùng bà A. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con và yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

- Về tài sản chung: Bà xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Bùi Thanh B, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông B đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử nhưng ông B vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Bùi Thanh B đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông B là đúng quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu của bà Phạm Thúy A xin ly hôn với ông Bùi Thanh B, thấy rằng: Bà A và ông B xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Nay bà A xác định bà không còn tình cảm với ông B nên bà yêu cầu được ly hôn với ông B. Để tạo điều kiện cho bà A, ông B hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nên Tòa án tiến hành triệu tập các đương sự đến Tòa án để tiến hành hòa giải nhưng ông B vắng mặt không rõ lý do, việc này cho thấy ông B cũng không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bà A kiên quyết xin ly hôn với ông B. Xét thấy, hôn nhân của bà A, ông B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thúy A về việc xin ly hôn với ông Bùi Thanh B.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống ông, bà có 01 con chung tên Bùi Huy B, sinh ngày 21/3/2007. Hiện tại con đang sống cùng bà A. Bà A có yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Xét thấy hiện con đang sống chung với mẹ và bà A có đủ điều kiện kinh tế để nuôi con, nên giao con chung cho bà A tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với tình hình thực tế cũng như phù hợp với nguyện vọng của con là *“muốn tiếp tục sống chung với mẹ”*. Do đó yêu cầu được nuôi con của bà A được chấp nhận.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, xét thấy, ông B không trực tiếp nuôi con thì phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình. Mức cấp dưỡng nuôi con mà bà A yêu cầu là 3.000.000 đồng/tháng, quá trình giải quyết Tòa án không làm việc để ghi nhận ý kiến của ông B, đồng thời bà A cũng không cung cấp chứng cứ gì chứng minh thu nhập thực tế

của ông B. Do đó việc bà A yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử điều chỉnh, chấp nhận mức cấp dưỡng mỗi tháng là 1.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án cho đến khi B sinh điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định.

[4] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Đương sự xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật. Án phí cấp dưỡng ông Bùi Thanh B phải chịu theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56 Điều 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Tuyên xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thúy A xin ly hôn với ông Bùi Thanh B.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Huy B, giới tính nam, sinh ngày 21/3/2007 cho bà Phạm Thúy A tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Bùi Thanh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án cho đến khi B sinh điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định. Ông Bùi Thanh B được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bà A có đơn yêu cầu thi hành án, ông B phải thanh toán xong khoản tiền cấp dưỡng hàng tháng nêu trên, nếu không thì còn phải chịu thêm khoản lãi B sinh theo quy định tại điều 357 và điều 468 Bộ luật Dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Về tài sản chung: Không ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Phạm Thúy A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình số tiền 300.000 đồng, ngày 13/4/2021, bà Phạm Thúy A nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000896 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được đối trừ, chuyển thu ngân sách nhà nước.

Án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng, ông Bùi Thanh B phải chịu (chưa nộp).

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Bà Phạm Thúy A có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Bùi Thanh B vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp. Cà Mau;
- UBND Phường 5, Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Hồng Xuyên**